

Bản án số: 139/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Việt Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Mạnh Tường**.

Ông **Nguyễn Tiến Bộ**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Hữu Vinh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Thị Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1987. Nơi đăng ký thường trú: Đội 03, Tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988. Nơi đăng ký thường trú: Đội 03, Tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện M, thành phố Hà Nội.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/3/2010 tại UBND thị trấn Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến gần cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm, lối sống, không hòa thuận, anh H ham chơi nợ nần, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị đã tìm nhiều biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân

từ tháng cuối năm 2021 đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã T ở từ năm 2021 đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- *Về con chung*: Chị và anh Nguyễn Văn H có 03 con chung là cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/10/2010; cháu Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 02/12/2014 và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 26/4/2021. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu N, cháu T1 ở với anh H và ông bà nội; còn cháu L ở với chị. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, chị đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu N và T1. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên Bản tự khai ngày 10/3/2025, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/3/2010 tại UBND thị trấn Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến gần cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm và lối sống. Anh đã tìm nhiều biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vợ chồng tôi đã ly thân từ tháng cuối năm 2021 đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã T ở từ năm 2021 đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- *Về con chung*: Anh và chị Nguyễn Thị T có 03 con chung là cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/10/2010; cháu Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 02/12/2014 và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 26/4/2021. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu N, cháu T1 ở với anh và ông bà nội; cháu L ở với chị T. Nay ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu T1, anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc của anh bận, anh đang đi làm ăn xa nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cho anh được vắng mặt.

Tại Biên bản xác minh ngày 24/3/2025, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện M, thành phố Hà Nội thể hiện: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn số 16, quyền số 01/2010 ngày 04/3/2010 tại UBND thị trấn Đ. Hiện nay đời sống chung vợ chồng giữa chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Địa phương đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Chị T và anh H có 03 con chung là cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/10/2010; Nguyễn Nhật T1, sinh ngày

02/12/2014 và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 26/4/2021. Quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức (Thẩm phán, Thư ký tòa án) đã thụ lý, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai, nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/10/2010; cháu Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 02/12/2014 và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 26/4/2021. Cháu N và T1 hiện đang sinh sống ổn định với anh H, cháu L đang sinh sống ổn định với chị T nên giao cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và T1; giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T và anh H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

- Tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn H nên thuộc tranh chấp về *Ly hôn* theo quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn H có đăng ký thường

trú tại: Đ, tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện M, thành phố Hà Nội nên thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện M vào ngày 04/3/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc và đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Chị T xin ly hôn, anh H đồng ý. Xét thấy, các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H có 03 con chung Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/10/2010; cháu Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 02/12/2014 và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 26/4/2021. Con chung Nguyễn Khánh N, Nguyễn Nhật T1 khỏe mạnh và hiện nay đang ở với anh H; con chung Nguyễn Khánh L khỏe mạnh và hiện nay đang ở với chị T.

Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Khánh L của chị T và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Khánh N, Nguyễn Nhật T1 của anh H, Hội đồng xét xử thấy: Từ khi chị T và anh H ly thân đến nay, các cháu N và T1 sinh sống, học tập ổn định với anh H, cháu L sinh sống, học tập ổn định với chị T, các cháu đều được chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Chị T và anh H đều thống nhất được việc nuôi con. Cháu N và cháu T1 đều có quan điểm xin ở với anh H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của con chung trên cơ sở thống nhất ý kiến của các bên và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, theo đó giao các cháu Nguyễn Khánh N và cháu Nguyễn Nhật T1 cho anh H; giao cháu Nguyễn Khánh L cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc

có sự thay đổi khác là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị T và anh H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn H.

Xử chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung*: Xác nhận chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H có 03 con chung Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/10/2010; cháu Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 02/12/2014 và cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 26/4/2021.

Giao con chung Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/10/2010 và cháu Nguyễn Nhật T1, sinh ngày 02/12/2014 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác

Giao con chung Nguyễn Khánh L, sinh ngày 26/4/2021 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T và anh H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị T và anh H đến khi có quyết định thay đổi khác.

Sau khi ly hôn chị T và anh H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được

cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0077061 ngày 26/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn chị T và bị đơn anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- **UBND thị trấn Đại Nghĩa;**
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Cường